BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 6020 /BGDĐT-KHCNTT V/v triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số năm học 2026 - 2027	*Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2026*

Kính gửi: Các sở Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 05/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm học 2026 - 2027, để thực hiện hiệu quả công tác chuyển đổi số, ngoài việc tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan được cấp có thẩm quyền ban hành, cũng như các văn bản chỉ đạo hiện hành khác về chuyển đổi số, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) yêu cầu các Sở GDĐT tổ chức triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số năm học 2026 - 2027 như sau:

I. YÊU CẦU CHUNG

1. Xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của năm học 2026 - 2027, gắn trực tiếp với đổi mới phương thức quản lý, quản trị, dạy học, kiểm tra, đánh giá và cung cấp dịch vụ giáo dục. Việc triển khai phải được kiểm đếm bằng sản phẩm, kết quả và tác động cụ thể.

2. Chuyển đổi mạnh từ dữ liệu phân tán sang dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung"; từ phần mềm riêng lẻ sang nền tảng số dùng chung, kết nối, liên thông; từ ứng dụng AI tự phát sang ứng dụng AI an toàn, có kiểm soát và có trách nhiệm; dữ liệu là nền tảng của chuyển đổi số, phải được chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả.

3. Tổ chức thực hiện theo tinh thần "6 rõ": rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền; tập trung nguồn lực cho các nhiệm vụ trọng tâm, thiết thực, có tác động rõ rệt, bảo đảm khả thi, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế.

4. Lấy người học và nhà giáo làm trung tâm, lấy sự thuận tiện, hiệu quả và chất lượng phục vụ làm thước đo; chuyển đổi số phải góp phần giảm thủ tục, hồ sơ, báo cáo, thao tác thủ công và gánh nặng hành chính. Thực hiện nguyên tắc "dữ liệu cập nhật một lần, sử dụng nhiều lần"; không yêu cầu cung cấp lại thông tin, nhập lại dữ liệu hoặc báo cáo số liệu đã có và có thể khai thác, sử dụng theo quy định.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tổ chức thực hiện chuyển đổi số

a) Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan quản lý giáo dục và cơ sở giáo dục trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chuyển đổi số;

chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng, hiệu quả và kết quả thực hiện thuộc phạm vi quản lý.

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi số năm học 2026–2027 theo nguyên tắc "6 rõ"; tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm, thiết thực, có sản phẩm, kết quả cụ thể; tránh hình thức, dàn trải.

c) Kiện toàn đầu mối, nhân lực và cơ chế phối hợp thực hiện; gắn kết chặt chẽ giữa các bộ phận: chuyên môn, công nghệ và dữ liệu; xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ chung, gắn với hoạt động chuyên môn của từng đơn vị, không chỉ là nhiệm vụ của bộ phận công nghệ thông tin.

2. Phát triển, nâng cao chất lượng và khai thác dữ liệu giáo dục

a) Tiếp tục rà soát, chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật đầy đủ dữ liệu về cơ sở giáo dục, người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và các dữ liệu chuyên ngành trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GDĐT; bảo đảm dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung". Hoàn thành đợt rà soát, làm sạch dữ liệu trước ngày 30/10/2026 và duy trì cập nhật thường xuyên.

b) Triển khai học bạ số thống nhất, bảo đảm dữ liệu học bạ được tạo lập từ dữ liệu gốc của cơ sở giáo dục, được kiểm tra, phê duyệt, ký số và đồng bộ lên cơ sở dữ liệu của Bộ GDĐT[1]; từng bước hình thành hồ sơ học tập số, hồ sơ học tập suốt đời của mỗi người học.

c) Tiếp tục rà soát, chuẩn hóa, số hóa và cập nhật dữ liệu văn bằng, chứng chỉ. Đối với văn bằng, chứng chỉ lịch sử của những người sinh từ năm 1970 trở lại đây, hoàn thành rà soát, số hóa và đồng bộ lên cơ sở dữ liệu của Bộ GDĐT trước ngày 30/11/2026.

d) Tăng cường kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành, dự báo, hoạch định chính sách và cung cấp dịch vụ trên môi trường số; hạn chế tối đa việc tạo thêm đầu mối thu thập, cập nhật dữ liệu.

3. Triển khai các nền tảng số dùng chung

a) Tổ chức triển khai, thí điểm Nền tảng số quốc gia quản trị giáo dục và đào tạo theo kế hoạch, hướng dẫn của Bộ GDĐT, bao gồm Nền tảng quản trị cơ sở giáo dục[2] và Nền tảng phân tích, khai thác dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành giáo dục[3]; từng bước sử dụng thống nhất các nền tảng dùng chung trong hoạt động quản lý, quản trị giáo dục.

b) Tổ chức triển khai, sử dụng thống nhất Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

---

[1] Thực hiện theo Thông tư số 70/2026/TT-BGDĐT ngày 22/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và sử dụng học bạ số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên

[2] Tại https://smis.moet.edu.vn

[3] Tại https://ioc.moet.edu.vn

c) Rà soát các phần mềm, hệ thống thông tin đang sử dụng; thực hiện kết nối, tích hợp với các nền tảng số dùng chung theo tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật của Bộ GDĐT.

4. Đổi mới dạy học, kiểm tra, đánh giá trên môi trường số

a) Tổ chức dạy học trực tuyến, dạy học kết hợp theo quy định[4], phù hợp với điều kiện thực tế; từng bước tổ chức kiểm tra, đánh giá trên môi trường số, trên máy tính tại các cơ sở giáo dục có đủ điều kiện, bảo đảm công bằng, an toàn và bảo mật.

b) Phát triển, chuẩn hóa, khai thác và chia sẻ học liệu số, ngân hàng câu hỏi, thư viện điện tử, thư viện số; phối hợp phát triển Kho học liệu số dùng chung của ngành[5].

c) Đối với giáo dục mầm non, ứng dụng công nghệ số chủ yếu để hỗ trợ quản trị, phát triển chuyên môn nhà giáo, thiết kế hoạt động giáo dục và phối hợp với gia đình; bảo đảm sức khỏe, an toàn, quyền riêng tư và phù hợp với đặc điểm phát triển lứa tuổi của trẻ.

5. Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, có kiểm soát và có trách nhiệm trong giáo dục

a) Lựa chọn các bài toán phù hợp để triển khai, thí điểm ứng dụng AI trong các hoạt động giáo dục; khuyến khích ứng dụng AI hỗ trợ nhà giáo trong chuẩn bị bài, xây dựng học liệu, thiết kế hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ người học; hỗ trợ cán bộ quản lý trong tổng hợp, phân tích dữ liệu, dự báo, ra quyết định và thực hiện các nhiệm vụ hành chính. Việc sử dụng kết quả do AI tạo ra phải được kiểm chứng về tính chính xác, phù hợp; AI không thay thế trách nhiệm chuyên môn và trách nhiệm ra quyết định của nhà giáo, cán bộ quản lý.

b) Phối hợp triển khai, thí điểm Nền tảng giáo dục thông minh quốc gia[6] ứng dụng AI có kiểm soát theo kế hoạch, hướng dẫn của Bộ GDĐT; tổ chức đánh giá chất lượng, hiệu quả, mức độ an toàn và tác động đối với nhà giáo, người học trước khi xem xét triển khai trên diện rộng.

c) Các cơ sở giáo dục rà soát ban hành quy định, quy tắc sử dụng AI phù hợp với đối tượng người học và hoạt động giáo dục; quy định rõ các trường hợp được sử dụng, hạn chế hoặc không được sử dụng AI, trách nhiệm của người sử dụng và yêu cầu về an toàn dữ liệu, minh bạch, kiểm chứng, độ tin cậy của nội dung và liêm chính học thuật.

---

[4] Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên

[5] Bộ GDĐT đang triển khai nhiệm vụ xây dựng, phát triển Kho học liệu số dùng chung cho giáo dục phổ thông, giáo dục mầm non

[6] Bộ GDĐT đang triển khai nhiệm vụ thử nghiệm Nền tảng giáo dục thông minh quốc gia ứng dụng AI có kiểm soát.

6. Bảo đảm hạ tầng số, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân

a) Rà soát, bảo đảm hạ tầng số, kết nối Internet và thiết bị đáp ứng yêu cầu quản lý, quản trị, dạy học, kiểm tra, đánh giá và sử dụng các nền tảng số; ưu tiên khắc phục khó khăn về điện, kết nối và thiết bị tại vùng khó khăn, miền núi, hải đảo và các điểm trường lẻ. Tăng cường sử dụng hạ tầng, nền tảng, dịch vụ dùng chung và thuê dịch vụ công nghệ thông tin, điện toán đám mây phù hợp theo quy định, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, an toàn và khả năng mở rộng.

b) Thực hiện đầy đủ các quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân; thường xuyên kiểm tra, đánh giá, khắc phục lỗ hổng, điểm yếu; thực hiện sao lưu, dự phòng, phục hồi dữ liệu và xây dựng phương án ứng phó, xử lý sự cố đối với các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý.

c) Tăng cường quản lý tài khoản, phân quyền truy cập, nhật ký hệ thống; kiểm soát việc truy cập, khai thác, kết nối và chia sẻ dữ liệu; nâng cao nhận thức, kỹ năng về an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân cho cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người học.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc Sở GDĐT căn cứ hướng dẫn này và thực tế ở địa phương xây dựng kế hoạch, hướng dẫn chuyển đổi số năm học 2026–2027; lựa chọn các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, xác định rõ sản phẩm, tiến độ và trách nhiệm cụ thể, tổ chức triển khai đến các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý. Kế hoạch gửi Bộ GDĐT (qua Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin) trước ngày 20/9/2026.

2. Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá, giám sát thường xuyên việc thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số; sơ kết sau học kỳ I, tổng kết năm học và tự đánh giá mức độ chuyển đổi số, mức độ ứng dụng AI theo bộ tiêu chí, hướng dẫn của Bộ GDĐT. Báo cáo kết quả thực hiện về Bộ GDĐT trước ngày 15/6/2027.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các Sở GDĐT phản ánh về Bộ GDĐT (qua Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin) để hướng dẫn, phối hợp xử lý./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch UBND các tỉnh/TP trực thuộc TW (để p/h c/đ);
- Các đơn vị thuộc Bộ (để t/h);
- Cổng thông tin điện tử Bộ;
- Lưu: VT, KHCNTT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phạm Quang Hưng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC
MỘT SỐ VĂN BẢN VỀ TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC
(Kèm theo Công văn số /BGDĐT-KHCNTT ngày tháng 9 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15.

2. Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15.

3. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15.

4. Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15.

5. Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15.

6. Nghị định số 88/2026/NĐ-CP ngày 28/03/2026 quy định quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo.

7. Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

8. Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/06/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số.

9. Nghị quyết 23/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC thuộc phạm vi Bộ GDĐT.

10. Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

11. Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục.

12. Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

13. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

14. Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo.

15. Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục.

16. Thông tư số 25/2024/TT-BGDĐT ngày 25/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục.

17. Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Khung năng lực số cho người học.

18. Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT ngày 27/03/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực số đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên.

19. Văn bản số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong trường phổ thông.

20. Quyết định số 2238/QĐ-BGDĐT ngày 30/7/2026 về Khung Kiến trúc Chính phủ số Bộ GDĐT phiên bản 4.0.

21. Quyết định số 1866/QĐ-BGDĐT ngày 29/6/2026 về Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu.

22. Quyết định số 3016/QĐ-BGDĐT ngày 31/10/2025 về chuẩn dữ liệu học bạ số.

23. Quyết định số 1009/QĐ-BGDĐT ngày 24/4/2026 về kết nối, khai thác học bạ số, văn bằng số.

24. Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

25. Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số trong giáo dục mầm non.

26. Quyết định số 3806/QĐ-BGDĐT ngày 29/11/2024 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số Sở GDĐT, Phòng GDĐT.

27. Quyết định số 1638/QĐ-BGDĐT ngày 18/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình phổ cập kỹ năng số dành cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước; người lao động trong các doanh nghiệp; người dân.

28. Quyết định số 1829/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với ứng dụng công nghệ thực - ảo trong giáo dục.

29. Quyết định số 522/QĐ-BGDĐT ngày 10/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt bộ tài liệu, học liệu và công cụ kiểm tra, đánh giá thuộc Chương trình phổ cập kỹ năng số, phục vụ đào tạo, bồi dưỡng và phổ cập kỹ năng số trong toàn xã hội.